

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 26/6/2024

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường
Ông Nguyễn Tấn Long

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Mai , Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến , Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 225/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Đặng Thị Mai H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*; *Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 19/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

Bị cáo kháng cáo:

Đặng Thị Mai H, sinh năm 1989 tại Khánh Hòa; nơi ĐKKHKT: 16B đường D, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: dịch vụ photocopy; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Đặng Thành Q; sinh năm 1941 và bà Trần Thị C; sinh năm 1947; chồng: Lê Thế K; sinh năm 1985, có 02 con sinh năm 1999 và 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/7/2021 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Nguyễn Đình T (Văn phòng luật sư Nguyễn Đình T), Đoàn Luật sư tỉnh K. Vắng mặt.

2. Luật sư Vũ Thị A (Công ty L4), Đoàn Luật sư tỉnh K. Có mặt.
3. Luật sư Lê Đình H1 (Văn phòng luật sư Phan Tấn H2), Đoàn Luật sư tỉnh K. Vắng mặt.

- Bị hại:

1. Bà Lương Thị T1, sinh năm 1966;

Trú tại: C N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị T1: Ông Nguyễn Hoài P, sinh năm: 1966; địa chỉ: Lô D đường số G gói B Khu đô thị M Xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1976;

Trú tại: A đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đặng Thành Q, sinh năm 1941; trú tại: A đường D, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Ông Trần Công P1, sinh năm 1972; trú tại: A M, phường V, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Ông Lê Thế K, sinh năm 1985; trú tại: Tổ I N, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đặng Thị Mai H hành nghề kinh doanh photocopy tại số A D, V, N, Khánh Hòa. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của một số cá nhân bằng cách khi H có những hồ sơ gốc từ nhận chuyển nhượng hoặc lập hợp đồng đặt cọc từ người khác, H đã photo ra nhiều bản bằng phương pháp in màu, in lazer màu, sau đó giữ lại các bản photo và sử dụng bản photo này thế chấp cho bà Lương Thị T1 và bà Nguyễn Thị Bích L để lấy tiền; cụ thể H đã làm giả các bộ hồ sơ sau:

- Hồ sơ thửa đất NV23-10, diện tích 95,6m² ở Khu đô thị M, phường P, N, Khánh Hòa: Thửa đất này Đặng Thị Mai H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Lê Thành T2 và Huỳnh Phụng L1 vào ngày 31/5/2019. Ngày 10/12/2019 H chuyển nhượng cho Nguyễn Thanh H3. Đối với hồ sơ này H làm giả 02 bộ.

- Hồ sơ thửa đất NOTT-01, diện tích 222m² ở Khu đô thị M, phường P, N, Khánh Hòa: Đặng Thị Mai H nhận chuyển nhượng từ Nguyễn Thị Ngọc L2, Bùi Mạnh H4, Đinh Nguyễn Thành L3, Thiệu Thị Thu T3 vào ngày 17/7/2018. Ngày 22/02/2019 H chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Kim N. Đối với hồ sơ này H làm giả 01 bộ.

- Hồ sơ thửa đất NV05-39, diện tích 90m² ở Khu đô thị M, phường P, N, Khánh Hòa: Thửa đất này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP914686 vào ngày 22/4/2019 cho bà

Nguyễn Thị Ngọc L2. Sau đó bà L2 chuyển nhượng lại cho Phan Thị Minh P2 vào ngày 11/6/2019. Đối với thửa đất này, ngày 28/11/2018 H ký hợp đồng đặt cọc với bà L2, nhưng sau đó Hợp đồng đặt cọc không thực hiện. Ngày 02/5/2019 bà L2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi có được các hồ sơ làm giả nêu trên, Đặng Thị Mai H đem đi thế chấp cho những người sau lấy tiền:

- Ngày 19/9/2019 H sử dụng 01 bộ hồ sơ thửa đất NV23-10 giả thế chấp cho bà Lương Thị T1 lấy số tiền 1.800.000.000 đồng. Việc H thế chấp vay mượn tiền của bà T1 thông qua người quen là ông Trần Công P1. Ông P1 là người giới thiệu H cho bà T1 để vay tiền, do bà T1 không biết H nên đề nghị ông P1 viết giấy mượn tiền số tiền 1.800.000.000 đồng từ bà T1 và thế chấp bộ hồ sơ thửa đất NV23-10. Sau đó H viết xác nhận vào giấy vay tiền trên với nội dung “Tôi có đưa anh P1 hồ sơ này để đưa chị T1” và ký tên xác nhận (bà T1 và P1 hoàn toàn không biết bộ hồ sơ thửa đất NV23-10 Hương đưa là giả). Đến khoảng tháng 5/2020, do thấy H không thanh toán tiền lãi nên bà T1 yêu cầu ông P1 và H tiếp tục viết giấy xác nhận nợ. Ngày 13/5/2020, ông P1 có viết nội dung mượn tổng số tiền là 3.450.000.000 đồng dưới phần nội dung mượn tiền ngày 19/9/2019 (do trước đó H nhờ P1 vay của bà T1 số tiền lần lượt là 600.000 đồng và 1.050.000.000 đồng vào năm 2018 và đầu năm 2019), còn H trực tiếp viết vào giấy mượn tiền ngày 13/5/2020 với nội dung xác nhận mượn tổng số tiền là 3.450.000.000 đồng có nội dung “...tôi có để lại cho anh P1 giữ chỗ chị T1 hồ sơ NV23-10 khu đô thị H”.

- Từ tháng 3/2019 đến ngày 17/8/2020, H sử dụng hồ sơ giả của thửa đất NOTT-01 thế chấp cho bà Nguyễn Thị Bích L để vay số tiền 6.000.000.000 đồng. Đồng thời H lập giấy cam kết vay tiền xác nhận để lại bộ hồ sơ thửa đất NOTT-01 cho bà L để làm tin cho khoản vay.

- Từ tháng 6/2019 đến ngày 16/8/2020, H sử dụng bộ hồ sơ giả của thửa đất NV23-10 thế chấp cho bà L để vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Đến ngày 16/8/2020 H vay thêm 500.000.000 đồng, đồng thời lập giấy cam kết vay xác nhận việc H để lại bộ hồ sơ thửa đất NV23-10 cho bà L làm tin.

- Ngày 06/3/2020, H sử dụng hồ sơ giả của thửa đất NV05-39 và Hợp đồng đặt cọc thửa đất ngày 05/11/2019 giữa H và bà L2, thế chấp vay của bà L số tiền 1.500.000.000 đồng. H nói với bà L rằng số tiền đặt cọc thửa đất là 1.500.000.000 đồng, nếu H không trả được nợ vay cho bà L thì số tiền cọc này sẽ chuyển sang cho bà L và bà L sẽ có quyền nhận chuyển nhượng lô đất từ bà L2. H lập giấy cam kết vay tiền xác nhận việc H để lại bộ hồ sơ thửa đất NV05-39 cho bà L làm tin.

*** *Tại Bản kết luận giám định số 110/GĐ-GT/2021 ngày 29/4/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh K xác định:***

- Chữ ký, chữ viết họ tên “Đặng Thị Mai H” trên các Giấy mượn tiền đề ngày 19/9/2019, Giấy mượn tiền đề ngày 13/5/2020, trên tài liệu đề ngày

17/11/2020 về việc xác nhận mượn tiền so với chữ ký, chữ viết mang tên “Đặng Thị Mai H” là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung “Tôi có đưa anh P1 hồ sơ này để đưa chị T1” trên Giấy mượn tiền đề ngày 19/9/2019, trên Giấy mượn tiền đề ngày 13/5/2020, trên tài liệu đề ngày 17/11/2020 về việc xác nhận mượn tiền so với chữ viết của Đặng Thị Mai H là do cùng một người viết ra.

- Tại Bản kết luận giám định số 121/GĐ-GT/2021 ngày 24/5/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh K xác định: Tài liệu là bộ hợp đồng chuyển nhượng thửa đất NV23-10 có hình dấu tròn đỏ đều không phải do các con dấu trực tiếp đóng ra, được tạo bằng phương pháp in lazer màu; các chữ viết, chữ ký trên các tài liệu không phải là chữ viết, chữ ký trực tiếp, được tạo bằng phương pháp in phun màu.

Căn cứ các Kết luận giám định số 405/GĐ-GT/2021 ngày 06/12/2021, số 423/GĐ-GT/2021 ngày 22/12/2021, số 424/GĐ-GT/2021 ngày 22/12/2021, số 40/GĐ-GT/2021 ngày 25/01/2022 và số 84/GĐ-GT/2022 ngày 04/3/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh K xác định: Ngoài trừ 02 Hợp đồng chuyển nhượng được lập tại Văn phòng Công chứng liên quan đến thửa đất NOTT01 thì các tài liệu là bộ hợp đồng chuyển nhượng các thửa đất NV05-39, NOTT01, NV23-10 có hình dấu tròn đỏ đều không phải do các con dấu trực tiếp đóng ra, được tạo ra bằng phương pháp in màu hoặc in phun màu hoặc in lazer màu hoặc in màu điện tử; các chữ viết, chữ ký trên các tài liệu không phải là chữ ký trực tiếp, được tạo ra bằng phương pháp in màu hoặc in phun màu hoặc in lazer màu hoặc in màu điện tử.

Căn cứ Kết luận giám định số 36/GĐ-GT/2022 ngày 13/01/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh K xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 472562 mang tên Nguyễn Thị V, thửa đất số 373 tờ bản đồ số 54, địa chỉ: Lô số (50+51+52+53+54) khu B khu đất dọc đường Phạm Văn Đ, V, N, Khánh Hòa là giả.

Căn cứ Kết luận giám định số 364/GĐ-GT/2021 ngày 20/10/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh K xác định:

- Chữ ký, chữ viết mang tên “Đặng Thị Mai H” trên các giấy cam kết tiền đề ngày 6/3/2020, 16/8/2020 và 17/8/2020 so với chữ ký, chữ viết của Đặng Thị Mai H là của cùng một người ký, viết ra.

- Chữ viết ghi nội dung trên Giấy cam kết vay tiền đề ngày 06/3/2020 tại mục “Từ ngày ... đến ngày hoàn trả.” và “N, ngày...tháng... năm 20...”; trên Giấy cam kết vay tiền đề ngày 16/8/020 tại nội dung “Cùng hợp tác với anh Lê Thành T2 chuyển nhượng” so với chữ viết của Đặng Thị Mai H là của cùng một người viết ra.

- 02 dấu vân tay trên Giấy cam kết vay tiền đề ngày 06/3/2020 so với dấu vân tay của Đặng Thị Mai H là của cùng một người.

Căn cứ Kết luận giám định số 405/2023/KL-KTHS ngày 15/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh K xác định:

- Không xác định được nội dung hình dấu màu đỏ giáp lai từ trang 19 đến trang 33 trên Quyển “Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐO & QSHNO số: NV23-10/HDCNPL-HUDNT có các thông tin “Tập đoàn phát triển nhà và đô thị Công ty Cổ phần P3”, “Chủ hợp đồng: Hoàng Thị N1 - Lê Văn V1”, hình dấu này được tạo ra bằng phương pháp in lazer màu.

- Hình dấu tròn, màu đỏ có nội dung "M.S.D.N: 4200736323 - C.T.C.P TP N – T.Khánh Hòa, Công ty P3” tại tờ thứ ba trên Phụ lục hợp đồng số 01PL/NÓTT-01/HĐMBNO-HUDNT đề ngày 23/5/2018 được tạo ra bằng phương pháp in Lazer màu so với hình dấu tròn, màu đỏ có nội dung " M.S.D.N: 4200736323 - C.T.C.P TP. NHA TRANG – T.KHÁNH HÒA CÔNG TY C.P PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD NHA TRANG" trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra,

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 19/03/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Mai H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Mai H 17 (mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của các tội là 21 (hai mươi một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/7/2021.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22/3/2024, bị cáo Đặng Thị Mai H kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung bản án; trong đó bị cáo cho rằng nhiều tình tiết của vụ án bị cáo đưa ra nhưng chưa được xem xét; chưa làm rõ số tiền bị cáo vay mượn của bà Nguyễn Thị Bích L, cũng như khoản tiền lãi bà L đã nhận.

- Ngày 27/3/2024, người bị hại Nguyễn Thị Bích L kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo H.

Tại phiên toà phúc thẩm: - Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo của bị hại Nguyễn Thị Bích L; nhận thấy:

Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và áp dụng đúng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đồng thời cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Sau khi có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại với số tiền 1.800.000.000 đồng cho bà Lương Thị T1 và được bà T1 có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đã xử phạt bị cáo 17 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 4 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là phù hợp, không nặng, không nhẹ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Bích L.

Tuy nhiên xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, tuy hoàn cảnh gia đình hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), nhưng bị cáo cũng đã tác động gia đình khắc phục thêm 15.000.000 đồng; tuy số tiền khắc phục là nhỏ so với số tiền mà bị cáo chiếm đoạt, nhưng điều đó cũng thể hiện sự ăn năn, hối cải của bị cáo. Do đó, hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Đặng Thị Mai H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Bích L; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Mai H; Sửa bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Mai H 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt của hai tội là 19 (mười chín) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/7/2021.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 19/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

3. Án phí phúc thẩm: Bị cáo Đặng Thị Mai H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hoà;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Khánh Hoà;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSPA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào